

## GỢI Ý ĐÁP ÁN ĐỀ THI ĐẠI HỌC MÔN LỊCH SỬ

KHÓA THI NGÀY 09/07/2009

**Câu 1 (2 điểm): Tóm tắt quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1911 đến năm 1920. Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam phải theo con đường nào?**

*Tóm tắt quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 - 1920:*

- Ngày 5/6/1911, Người ra đi tìm đường cứu nước.

- Từ 1911 đến 1917: Người bôn ba qua nhiều nước trên thế giới. Qua đó, rút ra kết luận: ở đâu bọn đế quốc thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu người lao động cũng bị bóc lột nặng nề.

- Từ cuối năm 1917, dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười Nga, Nguyễn Ái Quốc về Pháp, gia nhập Đảng Xã hội Pháp, hoạt động trong phong trào yêu nước của Việt kiều và phong trào công nhân Pháp.

-> Những nhận thức và hoạt động của Nguyễn Ái Quốc tuy mới bước đầu nhưng đã là điều kiện cần thiết để Người đến với Chủ nghĩa Mác – Lênin và con đường cách mạng đúng đắn ở giai đoạn sau.

- Năm 1919, Người gửi tới Hội nghị Vec-xai *Bản yêu sách của nhân dân An Nam* để tố cáo đế quốc.

- Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. *Luận cương* khẳng định: muốn cứu nước và giải phóng dân tộc phải đi theo con đường cách mạng vô sản.

- Tháng 12-1920, tại Đại hội của Đảng Xã hội Pháp, Người đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế thứ ba, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên và là một trong những người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

Như vậy đến năm 1920, *Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam phải theo con đường cách mạng vô sản*. Đó là con đường cứu nước đúng đắn, con đường kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội, kết hợp tinh thần yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản.

**Câu 2 (3 điểm): Trình bày và nhận xét chủ trương tập hợp lực lượng cách mạng được đề ra tại Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (1- 1930), Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam (10 - 1930) và Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 - 1941).**

**\* Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 1/1930:**

- Bối cảnh: Từ ngày 6/1 đến 8/2/1930, Nguyễn Ái Quốc đã chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tại Cửu Long – Hương Cảng – Trung Quốc. Hội nghị đã thống nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam và thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ tóm tắt* và *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.

- Chủ trương tập hợp lực lượng:

+ Lực lượng chủ yếu để đánh đổ đế quốc và phong kiến là công nhân và nông dân, trí thức tiểu tư sản.

+ Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản chưa rõ mặt phản cách mạng cần lợi dụng hoặc trung lập.

+ Đồng thời phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới.

+ Cương lĩnh khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp vô sản, lấy chủ nghĩa Mác Lênin làm nền tảng tư tưởng, là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng. Đảng là hạt nhân, là trung tâm đoàn kết, quy tụ mọi lực lượng yêu nước để chống đế quốc và chống phong kiến, giành độc lập tự do cho đất nước, hạnh phúc cho nhân dân ta.

- Nhận xét:

Chính cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta và cách mạng nước ta. Đó là Cương lĩnh đúng đắn và sáng tạo, nhuần nhuyễn về quan điểm giai cấp, thấm đượm tính dân tộc, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới.

**\* Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 10-1930**

- Bối cảnh: Giữa lúc phong trào cách mạng Việt Nam 1930 – 1931 đang diễn ra quyết liệt, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng - Trung Quốc. Hội nghị đã thông qua Luận cương Chính trị do Trần Phú khởi thảo.

- Chủ trương tập hợp lực lượng:

+ Lực lượng cách mạng là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Đó là hai động lực chính của cách mạng, là gốc của cách mạng.

+ Phải thực hiện liên minh công - nông.

+ Lãnh đạo cách mạng Đông Dương là giai cấp công nhân thông qua bộ tham mưu là Đảng Cộng sản Đông Dương, phải là đảng kiểu mới theo chủ nghĩa Mác - Lênin.

+ Hội nghị cũng nêu rõ mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

- Nhận xét: Luận cương Chính trị tháng 10-1930 còn có một số hạn chế đó là chưa đề cao được nhiệm vụ giải phóng dân tộc; quá nhấn mạnh về đấu tranh giai cấp. Trong khi nhấn mạnh về đấu tranh giai cấp thì chưa thấy hết được vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp xã hội khác ngoài công - nông.

### **\* Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 5-1941**

- Bối cảnh: Trước tình hình thế giới và trong nước ngày càng khẩn trương, Nguyễn Ái Quốc về nước và triệu tập Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (10 – 19-5-1941) tại Pắc Bó, Cao Bằng.

- Chủ trương tập hợp lực lượng:

+ Chủ trương thành lập *Việt Nam độc lập đồng minh* (gọi tắt là *Việt Minh*) bao gồm các tổ chức quần chúng lấy tên là *Hội Cứu quốc* nhằm "*Liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt..., đặng cùng nhau mưu cuộc dân tộc giải phóng và sinh tồn*".

- Nhận xét: Những chủ trương trên đây của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII đó hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược được đề ra từ hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VI. Hội nghị có tác dụng quyết định vận động toàn đảng, toàn dân tiến tới cách mạng tháng Tám.

Sau Hội nghị, Mặt trận Việt Minh đã đưa ra chương trình cứu nước và được đông đảo các tầng lớp nhân dân ủng hộ.

**Câu 3 (2 điểm): Trong thời kỳ 1954 - 1975, phong trào đấu tranh nào đánh dấu bước phát triển của cách mạng ở miền nam Việt Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công? Trình bày nguyên nhân dẫn đến sự bùng nổ của phong trào đó.**

- Trong thời kỳ 1954 – 1975, phong trào "Đồng khởi" (1959 – 1960) đánh dấu bước phát triển của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.

- Nguyên nhân bùng nổ phong trào:

+ Sau năm 1954, đế quốc Mỹ thay chân Pháp dựng lên chính quyền Ngô Đình Diệm, thực hiện âm mưu chia cắt nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới.

+ Trong những năm 1957 – 1959, Mĩ – Diệm tăng cường khủng bố cách mạng bằng các chiến dịch "Tố cộng", "diệt cộng", Luật 10/59... khiến lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề.

+ Các cuộc đấu tranh chống Mĩ – Diệm đã diễn ra sôi nổi nhưng vẫn đòi hỏi thực hiện những biện pháp quyết liệt hơn để đưa cách mạng miền Nam vượt qua khó khăn, thử thách.

+ *Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 15* (đầu 1959) xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền bằng lực lượng chính trị của quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân.

**Câu IV.a. Theo chương trình Chuẩn (3,0 điểm): Hãy phân tích các giai đoạn của cách mạng Lào từ năm 1946 đến năm 1975 và tóm tắt diễn biến của từng giai đoạn.**

- Các giai đoạn của cách mạng Lào từ năm 1946 đến năm 1975 và diễn biến:

#### 1) Giai đoạn 1946 – 1954

- Tháng 3/1946, Pháp quay trở lại xâm lược Lào. Nhân dân Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương và sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, đã tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp.

- Từ 1947, nhiều chiến khu đã được thành lập ở Lào, lực lượng cách mạng ngày càng trưởng thành.

+ Ngày 20/1/1949, *Quân Giải phóng Nhân dân Lào* được thành lập.

+ Ngày 13/8/1950, thành lập *Mặt trận Lào tự do* và *Chính phủ kháng chiến* do Hoàng thân Xuphanuvông đứng đầu.

- Từ đó, cuộc kháng chiến của nhân dân Lào phát triển mạnh mẽ. Quân Giải phóng Nhân dân Lào đã phối hợp với quân tình nguyện Việt Nam mở nhiều chiến dịch lớn như Trung Lào và Hạ Lào năm 1953, Thượng Lào năm 1954, đặc biệt là trong chiến dịch Điện Biên Phủ.

- Năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được kí kết, đã công nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.

#### 2) Giai đoạn 1954 – 1975:

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, nhân dân Lào tiến hành cuộc kháng chiến chống Mĩ xâm lược trên cả 3 mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao; đánh bại nhiều cuộc tấn công quân sự của địch. Đến đầu những năm 60 đã giành được những thắng lợi to lớn (giải phóng 2/3 đất đai và hơn 1/3 dân số cả nước).

- Từ giữa năm 1964 đến 1973, nhân dân Lào đã đánh bại cuộc “Chiến tranh Đặc biệt” và “Chiến tranh Đặc biệt tăng cường” của Mĩ, buộc Mĩ và tay sai phải kí Hiệp định Viêng Chăn (21/2/1973), lập lại hoà bình, thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào.

- Cùng với thắng lợi của cách mạng Việt Nam (30/4/1975), nhân dân Lào đã tiếp tục đấu tranh giành được toàn bộ chính quyền trong cả nước. Ngày 2/12/1975, nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào chính thức thành lập. Từ đây, nước Lào bước sang thời kỳ xây dựng đất nước và phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu IV.b. Theo chương trình Nâng cao (3,0 điểm): Nêu nội dung, thành tựu và hạn chế của chiến lược kinh tế hướng nội và chiến lược kinh tế hướng ngoại của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN.**

**\* Chiến lược kinh tế hướng nội**

- Năm nước sáng lập ASEAN (In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Phi-lip-pin và Thái Lan) sau khi giành độc lập đều tiến hành công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu (*chiến lược kinh tế hướng nội*) trong khoảng những năm 50 – 60 của thế kỉ XX.

- Nội dung chủ yếu: đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế hàng nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm trọng tâm để phát triển sản xuất.

- Thành tựu: đáp ứng được nhu cầu của nhân dân, phát triển một số ngành chế biến, chế tạo, bước đầu tạo ra công ăn việc làm, giải quyết nạn thất nghiệp...

+ Xin-ga-po xây dựng được cơ sở hạ tầng (đường sá, cầu cảng...) tốt nhất khu vực.

+ Sau 11 năm phát triển, kinh tế Thái Lan có bước tiến dài: kế hoạch kinh tế 6 năm (1961 – 1966) đã tăng thu nhập quốc dân lên 7,6%, dự trữ ngoại tệ và vàng tăng 15%.

+ Sau kế hoạch 5 năm (1966 – 1970), miền Tây Ma-lai-xi-a đã tự túc được lương thực, miền Đông giảm nhập gạo.

+ In-đô-nê-xi-a xây dựng được các khu công nghiệp có quy mô lớn, sản xuất thay thế được một phần các mặt hàng nhập khẩu...

- Hạn chế: thiếu nguồn vốn, nguyên liệu và công nghệ; chi phí cao dẫn tới làm ăn thua lỗ; tệ tham nhũng, quan liêu phát triển; đời sống người lao động mặc dù được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều khó khăn, chưa giải quyết được vấn đề tăng trưởng với công bằng xã hội.

**\* Chiến lược kinh tế hướng ngoại**

- Chiến lược công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo (*chiến lược kinh tế hướng ngoại*) thực hiện khoảng những năm 60 – 70 của thế kỉ XX

- Nội dung chủ yếu: "mở cửa" nền kinh tế, thu hút vốn, kĩ thuật của nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.

- Thành tựu: nền kinh tế theo khuynh hướng hiện đại (tỉ trọng công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân đã lớn hơn nông nghiệp), mậu dịch đối ngoại tăng nhanh (tổng kim ngạch xuất khẩu của 5 nước đạt 130 tỉ USD vào năm 1980); tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao (In-đô-nê-xi-a: 7 – 7,5% trong thập niên 1970; Thái Lan: 9% (1985 – 1995), Ma-lai-xi-a: 6,3% - 8,5% (1960 – 1990), Xin-ga-po: 12% (1968 – 1973) và trở thành "con rồng" kinh tế nổi trội nhất ở Đông Á; vấn đề tăng trưởng với công bằng xã hội được cải thiện,...

- Hạn chế: phụ thuộc vào vốn và thị trường nước ngoài quá lớn, đầu tư bất hợp lý. Biểu hiện của hạn chế này là cuộc khủng hoảng tài chính – tiền tệ năm 1997 tác động vào nền kinh tế các nước sáng lập ASEAN rất lớn, dẫn đến tình trạng bất ổn của một số nước. Mãi tới những năm 1999 – 2000, kinh tế các nước này mới được khôi phục.

**ThS Lê Văn Dũng - Trường THPT Chu Văn An, Hà Nội**